

Bản án số: 229/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2019.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Văn Việt,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị Hồng C, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 03 tháng 6 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Võ Thị Hồng C trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức Tr cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 21/6/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc được chín năm. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh Tr ham chơi cờ bạc. Chị có khuyên nhưng anh Tr không thay đổi. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay, tình nghĩa vợ chồng đã rạn nứt khó mong hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị và anh Tr có hai con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 08/02/2014, hai con hiện đang sinh sống với Chị. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Tr có mặt và có bản tự khai như sau: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Anh Tr thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi vã, do Anh ham chơi cờ bạc. Trước đây, chị C có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng chị C đã rút đơn, cho Anh cơ hội để sửa đổi nhưng Anh vẫn không thay đổi nên chị C xin ly hôn. Tuy nhiên, anh Tr đề nghị chị C cho cơ hội để vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 08/02/2014, hai con hiện đang sinh sống với chị C. Nếu ly hôn, Anh đồng ý giao hai con chung cho chị C nuôi, Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức Tr; anh Tr hiện có hộ khẩu thường trú tại: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tr có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 267, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án và thời hạn kháng cáo của anh Tr là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 21/6/2010 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống, chị C cho rằng năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh Tr ham chơi cờ bạc. Chị có khuyên nhưng anh Tr không thay đổi. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay, tình nghĩa vợ chồng đã rạn nứt khó mong hàn gắn nên Chị kiên quyết xin ly hôn với anh Tr.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của chị C nhưng anh Tr không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa, anh Tr thừa nhận: Do Anh ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường

xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trước đây, chị C có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng chị C đã rút đơn, cho anh Tr cơ hội để sửa đổi nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của Anh Chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh Tr là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh Tr có hai con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 08/02/2014, hai con hiện đang sinh sống với chị C. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Nếu ly hôn, Anh Tr đồng ý giao hai con chung cho chị C nuôi, Anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận. Chị C không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị C nêu tự thỏa thuận. Anh Tr nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị C, anh Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 267, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng C đối với anh Nguyễn Đức Tr về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng C được ly hôn với anh Nguyễn Đức Tr.

- Về con chung: Chị C được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 20/11/2010 và Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 08/02/2014, hai con hiện đang

sinh sống với chị C. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004895 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Chị C đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã L;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn